

**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **2855**/LĐTBXH-VL

Hà Nội, ngày **03** tháng **8** năm 2020

V/v xin ý kiến dự thảo Nghị định  
quy định chi tiết Điều 39 Luật việc làm  
về doanh nghiệp hoạt động  
dịch vụ việc làm

VP.UBND TỈNH BẮC GIANG

**ĐẾN**

Số: **20899**

Ngày: **10/1/2020**

Kính gửi: **Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang**

Chuyên: Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm

2015 và Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội dự thảo Tờ trình, Nghị định quy định chi tiết Điều 39 Luật việc làm về doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm (thay thế Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm). Dự thảo Tờ trình, Nghị định được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tại địa chỉ: <http://duthaovanban.molisa.gov.vn> và Cổng thông tin điện tử của Cục Việc làm tại địa chỉ <http://doe.gov.vn/QA/List/7>.

Đề nghị quý Cơ quan nghiên cứu, có ý kiến tham gia các dự thảo nêu trên và gửi văn bản góp ý về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Cục Việc làm)<sup>1</sup>, đồng thời gửi qua email: [hoanglien3945@yahoo.com](mailto:hoanglien3945@yahoo.com) trước ngày **15** tháng **9**, năm 2020 để tổng hợp, hoàn thiện trình Chính phủ.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan./.

**Nơi nhận:**

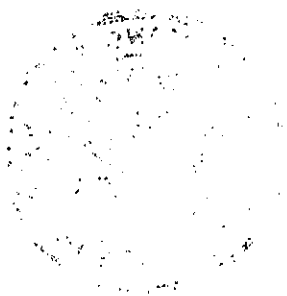
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ (để đăng website);
- Trung tâm thông tin (để đăng website);
- Lưu: VT, CVL.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Lê Văn Thanh**

<sup>1</sup> Chi tiết liên hệ bà Doãn Hoàng Liên – chuyên viên Cục Việc làm, số điện thoại: (0243) 8269517 hoặc di động 0983 048 759



Số: /TTr - LĐTBXH

*Hà Nội, ngày tháng năm 2020*

**(Dự thảo)**

## **TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết Điều 39 Luật  
việc làm về doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm**

Kính gửi: Chính phủ

Bộ luật Lao động năm 2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 không có nội dung về Tổ chức dịch vụ việc làm, theo đó Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23/5/2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm sẽ hết hiệu lực theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Do vậy, để có cơ sở pháp lý cho việc quản lý, hoạt động dịch vụ việc làm, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết Điều 39 Luật việc làm về doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm để thay thế Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23/5/2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trình Chính phủ về hồ sơ dự thảo Nghị định quy định chi tiết Điều 39 Luật việc làm về doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm, như sau:

### **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

Triển khai Bộ luật Lao động năm 2012, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23/5/2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm (sau đây gọi tắt là Nghị định số 52/2014/NĐ-CP) tạo cơ sở pháp lý để quản lý, tổ chức hoạt động dịch vụ việc làm trên toàn quốc. Tuy nhiên, đến nay sau 6 năm thực hiện, có một số hạn chế, bất cập và những vấn đề đặt ra như sau:

#### **1. Căn cứ pháp lý:**

Luật Tổ chức Chính phủ năm 2001 đã được thay Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015; Luật Doanh nghiệp năm 2005 được thay thế bằng Luật Doanh nghiệp năm 2014; Bộ luật Lao động (sửa đổi) được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày

20/11/2019 tại kỳ họp thứ 8 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 đã bỏ Điều 14 “Tổ chức dịch vụ việc làm” do có nội dung trùng với Chương V “Tổ chức và hoạt động dịch vụ việc làm” trong Luật việc làm năm 2013.

Do vậy, Nghị định số 52/2014/NĐ-CP cần phải thay đổi căn cứ ban hành cho phù hợp.

## **2. Những vấn đề đặt ra từ sau năm 2014 cần Nghị định thay thế Nghị định số 52/2014/NĐ-CP**

Hiện nay, cả nước có 370 doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm được cấp giấy phép hoạt động theo quy định Nghị định số 52/2014/NĐ-CP. Các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm chủ yếu được phân bố ở những địa phương có thị trường lao động phát triển (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh), gần các khu công nghiệp, khu chế xuất. Từ năm 2014 đến nay, các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm đã góp phần tư vấn, sắp xếp cho hàng vạn người lao động và hàng nghìn doanh nghiệp được cung cấp các dịch vụ tư vấn tuyển dụng, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao. Kết quả hoạt động của doanh nghiệp dịch vụ việc làm đã góp phần tích cực trong kết nối cung - cầu lao động, đáp ứng được cơ bản nhu cầu nhân sự của các doanh nghiệp, đặc biệt phân khúc thị trường lao động có trình độ cao, góp phần phát triển thông tin thị trường lao động và làm minh bạch hóa thị trường lao động Việt Nam.

Các quy định trong Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23/5/2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm và Nghị định 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 về việc sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã góp phần đưa hoạt động dịch vụ việc làm đi vào nề nếp, tạo được niềm tin cho người lao động, người sử dụng lao động và đơn vị hoạt động dịch vụ việc làm. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 52/2014/NĐ-CP vẫn còn một số bất cập như sau:

- Về điều kiện cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm: Nghị định số 140/2018/NĐ-CP đã bãi bỏ điều kiện về nhân sự trong Nghị định số 52/2014/NĐ-CP. Tuy nhiên, theo phản ánh của các địa phương, kinh doanh dịch vụ việc làm là hoạt động kinh doanh có điều kiện, mang tính chất đặc thù và phụ thuộc nhiều vào trình độ, kinh nghiệm của nhân sự thực hiện hoạt động dịch vụ việc làm, vì vậy cần phải bổ sung điều kiện về nhân sự trong doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

- Về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm: mặc dù Nghị định số 140/2018/NĐ-CP đã cắt giảm một số thủ tục hành chính trong

Nghị định số 52/2014/NĐ-CP, các thủ tục trở nên đơn giản, gọn nhẹ hơn. Tuy nhiên, quy trình, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm trong Nghị định số 52/2014/NĐ-CP vẫn chưa được quy định cụ thể, một số nội dung còn bỏ sót, vì vậy, các địa phương vẫn còn lúng túng trong việc triển khai thực hiện.

- Về thông báo hoạt động dịch vụ việc làm: nhiều doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm chưa thực hiện nghiêm túc các quy định về thông báo hoạt động dịch vụ việc làm. Một số doanh nghiệp đã tổ chức hoạt động dịch vụ việc làm trong khi chưa xin giấy phép hoạt động của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép.

- Về chi nhánh hoạt động dịch vụ việc làm: theo quy định tại Nghị định số 52/2014/NĐ-CP, các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm được phép mở chi nhánh khác tỉnh/thành phố. Tuy nhiên, tại một số địa phương, các chi nhánh của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm chưa thực hiện đúng chức năng của chi nhánh, gây khó khăn trong công tác quản lý hoạt động dịch vụ việc làm giữa các địa phương.

- Về báo cáo kết quả hoạt động: nhiều doanh nghiệp chưa thực hiện nghiêm túc việc báo cáo kết quả hoạt động với các Sở Lao động – Thương binh và Xã hội địa phương.

- Bên cạnh đó, căn cứ Điều 14 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì các thủ tục hành chính không được quy định tại Thông tư, do vậy cần phải rà soát để đưa những nội dung về thủ tục hành chính vào Nghị định đảm bảo theo quy định.

Vì vậy, việc xây dựng Nghị định mới để thay thế Nghị định số 52/2014/NĐ-CP trình Chính phủ xem xét, quyết định là cần thiết.

## **II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

1. Việc xây dựng Nghị định phải bám sát chủ trương, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; phù hợp với các quy định của Luật việc làm và bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

2. Các nội dung quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm phải bảo đảm đơn giản hóa, dễ thực hiện, phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp; bảo đảm quyền và lợi ích của doanh nghiệp và người lao động; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước phù hợp theo cơ chế của thị trường.

3. Có sự kế thừa các quy định còn phù hợp, sửa đổi, bổ sung những bất cập phát sinh, bảo đảm nội dung Nghị định có tính khả thi, phù hợp với yêu cầu thực tiễn, cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế.

### III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã tiến hành thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng Nghị định; xây dựng dự thảo Tờ trình, Nghị định; tổ chức một số cuộc họp lấy ý kiến; gửi văn bản lấy ý kiến của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các doanh nghiệp, các ngân hàng và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (<http://www.chinhphu.vn>) và Cổng thông tin điện tử của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (<http://www.molisa.gov.vn>) trong thời gian 60 ngày để lấy ý kiến rộng rãi các nội dung dự thảo Nghị định.

Tiếp thu ý kiến đóng góp của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã hoàn thiện hồ sơ trình dự thảo Nghị định theo quy định, gửi Bộ Tư pháp thẩm định. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (văn bản số ...../BC-BTP ngày .... tháng ..... năm .....), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chỉnh lý dự thảo Nghị định và các tài liệu kèm theo trình Chính phủ.

### IV. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định gồm 5 Chương và 25 Điều, được xây dựng trên cơ sở kế thừa các quy định còn phù hợp của Nghị định số 52/2014/NĐ-CP, đồng thời có điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với những quy định mới. Cụ thể như sau:

1. Chương 1. Quy định chung, gồm 2 Điều (từ Điều 1 đến Điều 2). Trong đó, điều chỉnh nội dung các điều về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

2. Chương 2. Điều kiện, trình tự thủ tục cấp, gia hạn, cấp lại, thu hồi giấy phép gồm 8 Điều (từ Điều 3 đến Điều 10) quy định cụ thể về điều kiện cấp giấy phép; thẩm quyền cấp giấy phép; giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm; hồ sơ đề nghị cấp giấy phép; trình tự, thủ tục cấp giấy phép; gia hạn, cấp lại giấy phép; thu hồi giấy phép; trách nhiệm của doanh nghiệp khi bị thu hồi giấy phép hoặc không được gia hạn, cấp lại giấy phép. Trong đó:

a) Điều kiện cấp giấy phép (Điều 3), gồm 03 điều kiện: (i) có địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh để tổ chức hoạt động dịch vụ việc làm ổn định; (ii) ký quỹ 300 triệu đồng; (iii) người lãnh đạo điều hành hoạt động dịch vụ việc làm đáp ứng các điều kiện: không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành bản án hình sự của tòa án, không trong thời hạn cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc; có trình độ từ đại học trở lên hoặc đã có thời gian trực tiếp làm chuyên môn hoặc quản lý về dịch vụ việc làm từ đủ 03 năm trở lên trong thời hạn năm 05 liền kề trước khi đề nghị cấp giấy phép.

b) Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm (Điều 4) do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính ủy quyền cấp; Giấy phép được cấp theo mẫu, thời hạn giấy phép tối đa là 60 tháng, không giới hạn số lần gia hạn giấy phép.

c) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép (Điều 5), bao gồm: văn bản đề nghị cấp giấy phép của doanh nghiệp; Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng hoặc thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất để tổ chức hoạt động dịch vụ việc làm; Bản chính giấy xác nhận nộp tiền ký quỹ; Các giấy tờ chứng minh điều kiện về người lãnh đạo điều hành hoạt động dịch vụ việc làm.

d) Trình tự, thủ tục cấp giấy phép (Điều 6): doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ gửi Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở thẩm định tính xác thực của hồ sơ và trình Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp tỉnh cấp giấy phép.

3. Chương 3. Ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm, gồm 4 Điều (từ Điều 11 đến Điều 14) quy định cụ thể về trách nhiệm ký quỹ, nộp tiền ký quỹ, quản lý tiền ký quỹ, rút tiền ký quỹ. Trong đó:

- Tiền ký quỹ được sử dụng vào mục đích bồi thường, giải quyết quyền lợi cho các tổ chức, cá nhân trong trường hợp doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trong hoạt động dịch vụ việc làm.

- Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm thực hiện thủ tục nộp tiền ký quỹ theo đúng quy định của ngân hàng và tuân thủ quy định của pháp luật.

- Ngân hàng nhận ký quỹ có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận tiền ký quỹ cho doanh nghiệp; quản lý tiền ký quỹ của doanh nghiệp, gồm: phong tỏa toàn bộ số tiền ký quỹ, cho doanh nghiệp nộp tiền ký quỹ, rút tiền ký quỹ theo đúng quy định.

4. Chương 4. Nội dung hoạt động dịch vụ việc làm, chi nhánh doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm, gồm 3 Điều (từ Điều 15 đến Điều 17) quy định cụ thể về nội dung về hoạt động dịch vụ việc làm, chi nhánh của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm, thông báo hoạt động dịch vụ việc làm. Trong đó:

- Nội dung hoạt động dịch vụ việc làm bao gồm: hoạt động tư vấn; Giới thiệu người lao động cần tìm việc làm với người sử dụng lao động cần tuyển lao động; Cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động; Thu thập và cung cấp thông tin thị trường lao động; Phân tích và dự báo thị trường lao động; Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực tìm kiếm việc làm

và đào tạo kỹ năng, giáo dục nghề nghiệp khác theo quy định của pháp luật; Thực hiện các chương trình, dự án về việc làm.

- Doanh nghiệp có quyền được thành lập chi nhánh hoạt động dịch vụ việc làm trong nước theo đúng quy định.

5. Chương 5. Điều khoản thi hành, gồm 8 Điều (từ Điều 18 đến Điều 25) quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm; ngân hàng nhận ký quỹ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Ngân hàng nhà nước Việt Nam; quy định chuyên tiếp; hiệu lực thi hành; trách nhiệm thi hành.

#### **V. Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN**

.....

#### **VI. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP**

.....

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

#### **Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, VL.

**BỘ TRƯỞNG**

**Đào Ngọc Dung**



Số: /2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**Dự thảo**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định chi tiết Điều 39 Luật việc làm về doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết Điều 39 Luật việc làm về doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết Điều 39 Luật việc làm về doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm, bao gồm:

1. Điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm (sau đây gọi là giấy phép).
2. Nội dung hoạt động dịch vụ việc làm và chi nhánh doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.
2. Cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến hoạt động dịch vụ việc làm.

**Chương II**

**ĐIỀU KIỆN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, GIA HẠN, CẤP LẠI, THU HỒI GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VIỆC LÀM**

**Điều 3. Điều kiện cấp giấy phép**

1. Có địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh để tổ chức hoạt động dịch vụ việc làm thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm hoặc doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm có hợp đồng hoặc thỏa thuận

về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất ổn định trong thời gian ít nhất 05 năm (60 tháng).

2. Doanh nghiệp đã thực hiện ký quỹ 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu Việt Nam đồng) tại ngân hàng thương mại hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

3. Người lãnh đạo điều hành hoạt động dịch vụ việc làm đáp ứng các điều kiện:

a) Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành bản án hình sự của toà án, không trong thời hạn cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc;

b) Có trình độ từ đại học trở lên hoặc đã có thời gian trực tiếp làm chuyên môn hoặc quản lý về dịch vụ việc làm từ đủ 03 năm (36 tháng) trở lên trong thời hạn 05 năm liền kề trước khi đề nghị cấp giấy phép.

#### **Điều 4. Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm**

1. Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính ủy quyền (sau đây gọi chung là Cơ quan nhà nước có thẩm quyền) cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm cho doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và có đủ các điều kiện quy định tại Điều 3 Nghị định này.

2. Nội dung giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Thời hạn của giấy phép được quy định như sau:

a) Thời hạn giấy phép tối đa là 60 tháng;

b) Giấy phép được gia hạn nhiều lần, mỗi lần gia hạn tối đa là 60 tháng;

c) Thời hạn giấy phép được cấp lại bằng thời hạn còn lại của giấy phép đã được cấp trước đó.

4. Lệ phí cấp Giấy phép

a) Doanh nghiệp nộp lệ phí cấp Giấy phép tại thời điểm nhận Giấy phép.

b) Việc thu, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy phép được thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

#### **Điều 5. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép**

1. Văn bản đề nghị cấp giấy phép của doanh nghiệp theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. 01 bản sao Giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng hoặc thỏa thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

3. 01 bản chính Giấy xác nhận nộp tiền ký quỹ.

4. Các giấy tờ chứng minh điều kiện về người lãnh đạo điều hành hoạt động dịch vụ việc làm gồm:

a) 01 bản chính Phiếu lý lịch tư pháp theo quy định của pháp luật. Trường hợp người lãnh đạo điều hành là người nước ngoài không thuộc đối tượng được cấp phiếu lý lịch tư pháp của Việt Nam thì phiếu lý lịch tư pháp số 1 được thay thế bằng phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận người lao động nước ngoài không phải là người phạm tội hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự của nước ngoài cấp.

Văn bản nêu trên được cấp trước ngày nộp hồ sơ không quá 06 tháng. Văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt và phải có công chứng hoặc chứng thực.

b) 01 bản sao bằng cấp chuyên môn hoặc 01 bản sao tài liệu thể hiện kinh nghiệm làm việc trước đây đối với người lãnh đạo điều hành hoạt động dịch vụ việc làm (quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận kinh nghiệm).

Trường hợp văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt và phải có công chứng hoặc chứng thực.

#### **Điều 6. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép**

1. Doanh nghiệp nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 5 Nghị định này đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính để đề nghị cấp giấy phép.

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép được tiếp nhận khi có đủ các giấy tờ quy định tại Điều 5 Nghị định này. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy biên nhận ghi rõ ngày, tháng, năm nhận hồ sơ.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đảm bảo theo quy định, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm tra, trình Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm.

Trường hợp hồ sơ không đảm bảo theo quy định, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có văn bản yêu cầu doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ.

4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, cấp giấy phép đối với doanh nghiệp và gửi 01 bản cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; trường hợp không cấp giấy phép thì có văn bản trả lời doanh nghiệp trong đó nêu rõ lý do không cấp giấy phép.

5. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền không cấp giấy phép đối với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:

- a) Không bảo đảm điều kiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định này;
- b) Đã sử dụng giấy phép giả để hoạt động dịch vụ việc làm, giấy phép hết hiệu lực;
- c) Có người lãnh đạo điều hành hoạt động dịch vụ việc làm đã từng là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bị thu hồi giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm vì những lý do tại các điểm d, đ, e và điểm g khoản 1 Điều 9 Nghị định này trong 05 năm liền kề trước khi đề nghị cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm;
- d) Doanh nghiệp thuộc trường hợp gia hạn quy định tại Điều 7 hoặc cấp lại quy định tại Điều 8 của Nghị định này nhưng không đề nghị gia hạn hoặc cấp lại giấy phép mà đề nghị cấp giấy phép mới.

### **Điều 7. Gia hạn giấy phép**

1. Doanh nghiệp được gia hạn giấy phép phải bảo đảm các quy định sau đây:

- a) Bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 3 Nghị định này;
- b) Không thuộc trường hợp bị thu hồi giấy phép theo quy định tại Điều 9 Nghị định này;
- c) Tuân thủ đầy đủ chế độ báo cáo quy định tại Nghị định này;
- d) Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép được gửi đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước thời điểm hết hiệu lực của giấy phép ít nhất 20 ngày làm việc.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép của doanh nghiệp theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;
- b) Văn bản quy định tại các khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Nghị định này;
- c) Các văn bản quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định này đối với trường hợp doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép đồng thời thay đổi người lãnh đạo điều hành hoạt động dịch vụ việc làm.

3. Trình tự, thủ tục gia hạn giấy phép thực hiện theo trình tự, thủ tục cấp giấy phép quy định tại Điều 6 Nghị định này.

4. Đối với doanh nghiệp không đảm bảo quy định theo khoản 1 Điều này hoặc thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định này thì Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm trả lời bằng văn bản cho doanh nghiệp biết và nêu rõ lý do không gia hạn.

### **Điều 8. Cấp lại giấy phép**

1. Doanh nghiệp đề nghị cấp lại giấy phép trong các trường hợp sau đây:

a) Thay đổi một trong các nội dung của giấy phép đã được cấp, gồm: tên doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính; người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện hoạt động dịch vụ việc làm;

b) Giấy phép bị mất;

c) Giấy phép bị hư hỏng không còn đầy đủ thông tin trên giấy phép.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép như sau:

a) Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này đối với trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính hoặc giấy phép bị hư hỏng không còn đầy đủ thông tin trên giấy phép;

c) Các văn bản quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định này đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

d) Các văn bản quy định tại các khoản 2, 3 và khoản 4 Điều 5 Nghị định này và giấy xác nhận về việc bị mất của chính quyền địa phương nơi xảy ra sự việc đối với trường hợp giấy phép bị mất;

đ) Giấy phép đã được cấp trước đó đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều này.

3. Trình tự, thủ tục cấp lại giấy phép thực hiện theo trình tự, thủ tục cấp giấy phép theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.

#### **Điều 9. Thu hồi giấy phép**

1. Doanh nghiệp bị thu hồi giấy phép trong các trường hợp sau đây:

a) Chấm dứt hoạt động dịch vụ việc làm theo đề nghị của doanh nghiệp;

b) Doanh nghiệp giải thể hoặc bị Tòa án ra quyết định tuyên bố phá sản;

c) Không bảo đảm một trong các điều kiện quy định tại Điều 3 Nghị định này;

d) Cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác sử dụng giấy phép;

đ) Bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hoạt động dịch vụ việc làm từ 03 lần trong khoảng thời gian tối đa 36 tháng kể từ ngày bị xử phạt lần đầu tiên;

e) Doanh nghiệp có hành vi giả mạo các văn bản trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại giấy phép hoặc tẩy xóa, sửa chữa nội dung giấy phép đã được cấp hoặc sử dụng giấy phép giả, giấy phép hết hiệu lực;

g) Các trường hợp khác theo yêu cầu của Tòa án.

2. Hồ sơ đề nghị thu hồi giấy phép đối với trường hợp quy định tại các điểm a và điểm b khoản 1 Điều này, gồm:

a) Văn bản đề nghị thu hồi giấy phép theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giấy phép đã được cấp;

c) Báo cáo tình hình hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép đối với trường hợp quy định tại các điểm a và điểm b khoản 1 Điều này như sau:

a) Doanh nghiệp gửi một bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này đến Sở Lao động – Thương binh và Xã hội nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính;

b) Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra và cấp giấy biên nhận ghi rõ ngày, tháng, năm nhận đủ hồ sơ. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thu hồi giấy phép của doanh nghiệp, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi giấy phép. Quyết định thu hồi giấy phép theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép đối với trường hợp quy định tại các điểm c, d, đ, e và điểm g khoản 1 Điều này thực hiện như sau:

a) Khi phát hiện doanh nghiệp thuộc trường hợp quy định tại các điểm c, d, đ, e và điểm g khoản 1 Điều này, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện kiểm tra, thu thập các bằng chứng liên quan và trình Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy phép;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi giấy phép của doanh nghiệp;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi giấy phép, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm có trách nhiệm nộp lại giấy phép cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

5. Doanh nghiệp không được cấp giấy phép trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày bị thu hồi giấy phép vì vi phạm các nội dung quy định tại các điểm c, d, đ, e và điểm g khoản 1 Điều này.

#### **Điều 10. Trách nhiệm của doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi giấy phép hoặc không được gia hạn, cấp lại giấy phép**

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc không gia hạn hoặc không cấp lại hoặc thu hồi giấy phép, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Thanh lý các hợp đồng về dịch vụ việc làm đang thực hiện, giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng theo quy định của pháp luật.

2. Công khai nội dung việc chấm dứt hoạt động dịch vụ việc làm trên một báo điện tử trong 07 ngày liên tiếp.

### **Chương III**

#### **KÝ QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VIỆC LÀM**

##### **Điều 11. Trách nhiệm ký quỹ**

Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm có trách nhiệm ký quỹ tại ngân hàng thương mại để sử dụng khoản tiền ký quỹ này vào mục đích bồi thường, giải quyết quyền lợi cho các tổ chức, cá nhân trong trường hợp doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trong hoạt động dịch vụ việc làm.

##### **Điều 12. Nộp tiền ký quỹ**

1. Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm thực hiện thủ tục nộp tiền ký quỹ theo đúng quy định của ngân hàng và tuân thủ quy định của pháp luật.

2. Ngân hàng nhận ký quỹ có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận tiền ký quỹ hoạt động dịch vụ việc làm sau khi doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm hoàn thành thủ tục ký quỹ. Giấy chứng nhận tiền ký quỹ hoạt động dịch vụ việc làm phải đầy đủ các thông tin, gồm: tên doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính; mã số đăng ký kinh doanh; chủ tài khoản; chức danh của chủ tài khoản; số tiền ký quỹ; số tài khoản ký quỹ; ngày ký quỹ. Trường hợp thay đổi một trong các thông tin trên giấy chứng nhận tiền ký quỹ hoạt động dịch vụ việc làm, gồm: tên doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính; số tài khoản ký quỹ thì doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm gửi văn bản đề nghị và các tài liệu chứng minh việc thay đổi thông tin tới ngân hàng nhận ký quỹ để thay đổi giấy chứng nhận tiền ký quỹ hoạt động dịch vụ việc làm.

##### **Điều 13. Quản lý tiền ký quỹ**

1. Ngân hàng nhận ký quỹ có trách nhiệm phong tỏa toàn bộ số tiền ký quỹ của doanh nghiệp, quản lý tiền ký quỹ theo đúng các quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật về ký quỹ.

2. Ngân hàng nhận ký quỹ thực hiện cho doanh nghiệp nộp tiền ký quỹ, rút tiền ký quỹ theo đúng quy định tại các Điều 12, Điều 14 Nghị định này.

3. Ngân hàng nhận ký quỹ không được cho doanh nghiệp rút tiền ký quỹ khi chưa có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

##### **Điều 14. Rút tiền ký quỹ**

1. Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội quyết định cho phép doanh nghiệp rút tiền ký quỹ trong các trường hợp sau:

- a) Doanh nghiệp không được cấp giấy phép;
- b) Doanh nghiệp bị thu hồi giấy phép hoặc không được gia hạn, cấp lại giấy phép;
- c) Doanh nghiệp đã thực hiện ký quỹ tại một ngân hàng thương mại khác.

2. Hồ sơ đề nghị rút tiền ký quỹ quy định tại điểm c khoản 1 Điều này gửi đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, gồm:

- a) Văn bản đề nghị rút tiền ký quỹ do người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp ký;
- b) Giấy chứng nhận tiền ký quỹ hoạt động dịch vụ việc làm tại ngân hàng thương mại khác đối với trường hợp rút tiền ký quỹ quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

3. Hồ sơ rút tiền ký quỹ gửi ngân hàng nhận ký quỹ gồm:

- a) Văn bản đề nghị rút tiền ký quỹ do người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp ký;
- b) Văn bản chấp thuận rút tiền ký quỹ của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;
- c) Chứng từ rút tiền ký quỹ theo quy định của ngân hàng nhận ký quỹ (nếu có).

4. Trình tự, thủ tục rút tiền ký quỹ được thực hiện như sau:

a) Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này tại Sở Lao động – Thương binh và Xã hội nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính;

b) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra và cấp giấy biên nhận ghi rõ ngày, tháng, năm nhận đủ hồ sơ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội kiểm tra việc thực hiện các nghĩa vụ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm và trình Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội văn bản chấp thuận rút tiền ký quỹ và phương án sử dụng tiền ký quỹ (nếu có) gửi doanh nghiệp và ngân hàng nhận ký quỹ;

c) Sau khi có văn bản chấp thuận rút tiền ký quỹ của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này tại ngân hàng nhận ký quỹ.

5. Ngân hàng nhận ký quỹ tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp, nếu hợp pháp, hợp lệ thì ngân hàng nhận ký quỹ cho doanh nghiệp thực hiện rút tiền ký quỹ.



## Chương IV

### NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VIỆC LÀM, CHI NHÁNH DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VIỆC LÀM

#### **Điều 15. Nội dung hoạt động dịch vụ việc làm**

1. Hoạt động tư vấn, bao gồm:

a) Tư vấn về nghề nghiệp cho người lao động, về định hướng lựa chọn nghề nghiệp, về trình độ, kỹ năng nghề và nơi đào tạo phù hợp với khả năng và nguyện vọng;

b) Tư vấn việc làm cho người lao động để lựa chọn vị trí việc làm phù hợp với khả năng và nguyện vọng; tư vấn về kỹ năng tham gia dự tuyển; tư vấn về tự tạo việc làm, tìm việc làm trong nước và ngoài nước;

c) Tư vấn cho người sử dụng lao động về tuyển, sử dụng và quản lý lao động; về quản trị và phát triển việc làm, phát triển nguồn nhân lực;

d) Tư vấn về chính sách lao động, việc làm cho người lao động, người sử dụng lao động.

2. Giới thiệu người lao động cần tìm việc làm với người sử dụng lao động cần tuyển lao động.

3. Cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động (thông qua các hợp đồng kinh tế, hợp đồng hợp tác...), bao gồm:

a) Tuyển lao động thông qua thi tuyển để lựa chọn những người đủ điều kiện, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng lao động;

b) Cung ứng lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động;

c) Giới thiệu, cung ứng lao động cho đơn vị, doanh nghiệp được cấp phép đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

4. Thu thập và cung cấp thông tin thị trường lao động.

5. Phân tích và dự báo thị trường lao động.

6. Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực tìm kiếm việc làm và đào tạo kỹ năng, giáo dục nghề nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các chương trình, dự án về việc làm.

#### **Điều 16. Chi nhánh của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm**

1. Doanh nghiệp có quyền được thành lập chi nhánh hoạt động dịch vụ việc làm trong nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp và đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định giao nhiệm vụ cho chi nhánh, doanh nghiệp phải thông báo cho Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội nơi đặt trụ sở chi nhánh.

3. Nghĩa vụ của chi nhánh hoạt động dịch vụ việc làm:

a) Niêm yết công khai quyết định của doanh nghiệp giao nhiệm vụ cho chi nhánh hoạt động dịch vụ việc làm và Bản sao chứng thực giấy phép của doanh nghiệp tại trụ sở chi nhánh;

b) Báo cáo Sở Lao động – Thương binh và Xã hội nơi đặt trụ sở chi nhánh định kỳ 06 (sáu) tháng, hàng năm hoặc đột xuất về tình hình hoạt động dịch vụ việc làm của chi nhánh theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Thời hạn hoạt động dịch vụ việc làm của chi nhánh không vượt quá thời hạn giấy phép của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

#### **Điều 17. Thông báo hoạt động dịch vụ việc làm**

1. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày được cấp giấy phép, doanh nghiệp phải thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng về giấy phép, địa điểm, lĩnh vực hoạt động, tên người đại diện theo pháp luật thực hiện hoạt động dịch vụ việc làm, số điện thoại, e-mail, website.

2. Trước 10 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu hoạt động dịch vụ việc làm, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội nơi đặt trụ sở chính về ngày bắt đầu hoạt động.

3. Trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh, doanh nghiệp phải có văn bản gửi Sở Lao động – Thương binh và Xã hội nơi đặt trụ sở chính, chi nhánh về địa điểm mới kèm giấy tờ chứng minh tính hợp lệ của địa điểm mới theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị định này trong thời hạn 10 ngày làm việc, trước ngày thực hiện việc chuyển địa điểm.

### **Chương V**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 18. Trách nhiệm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm**

1. Niêm yết công khai bản chính giấy phép tại trụ sở chính và bản sao được chứng thực từ bản chính giấy phép tại các chi nhánh (nếu có) của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

2. Theo dõi tình trạng việc làm của người lao động do doanh nghiệp giới thiệu hoặc cung ứng tối thiểu 03 tháng hoặc trong thời gian thực hiện hợp đồng lao động (đối với những trường hợp thực hiện hợp đồng lao động dưới 03 tháng).

3. Lập, cập nhật, quản lý dữ liệu của lao động đăng ký tìm việc làm, người sử dụng lao động đăng ký tuyển lao động và thực hiện kết nối, chia sẻ khi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

4. Báo cáo định kỳ 06 tháng và hàng năm về tình hình hoạt động dịch vụ việc làm theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này

gửi Sở Lao động – Thương binh và Xã hội nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Báo cáo 06 tháng gửi trước ngày 20 tháng 6 và báo cáo hằng năm gửi trước ngày 20 tháng 12.

5. Báo cáo kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố liên quan đến hoạt động dịch vụ việc làm cho Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động dịch vụ việc làm.

6. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm theo quy định tại Nghị định này.

#### **Điều 19. Trách nhiệm của ngân hàng nhận ký quỹ**

1. Thực hiện đúng các quy định về mở tài khoản ký quỹ, nộp tiền ký quỹ, sử dụng tài khoản ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm và các quy định liên quan đến tài khoản này.

2. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của ngân hàng nhận ký quỹ theo quy định tại Nghị định này.

#### **Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

1. Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động dịch vụ việc làm tại địa phương.

2. Cấp, gia hạn, cấp lại hoặc thu hồi giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm hoặc ủy quyền cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp, gia hạn, cấp lại hoặc thu hồi giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp.

3. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp dưới:

a) Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về hoạt động dịch vụ việc làm cho người sử dụng lao động, người lao động và các cơ quan, tổ chức có liên quan trên địa bàn;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, giám sát và xử lý kịp thời các vi phạm hoạt động dịch vụ việc làm tại địa phương;

c) Theo dõi, tổng hợp và báo cáo định kỳ 06 tháng và hằng năm về tình hình hoạt động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn quản lý theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Báo cáo 06 tháng gửi trước ngày 20 tháng 7 và báo cáo hằng năm gửi trước ngày 20 tháng 01 năm sau.

4. Công bố doanh nghiệp được cấp, gia hạn, cấp lại hoặc thu hồi giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**Điều 21. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện pháp luật về hoạt động dịch vụ việc làm.

2. Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc cấp, gia hạn, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm.

3. Tổng hợp, công khai doanh nghiệp được cấp, gia hạn, cấp lại hoặc thu hồi giấy phép trên trang thông tin điện tử của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

4. Tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động dịch vụ việc làm trên phạm vi cả nước.

5. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội theo quy định tại Nghị định này.

**Điều 22. Trách nhiệm của Ngân hàng nhà nước Việt Nam**

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra tình hình nhận ký quỹ của các ngân hàng nhận ký quỹ.

2. Phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trong việc thanh tra, kiểm tra, giám sát tình hình quản lý tiền ký quỹ hoạt động dịch vụ việc làm tại các ngân hàng nhận ký quỹ theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

3. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Ngân hàng nhà nước Việt Nam theo quy định tại Nghị định này.

**Điều 23. Quy định chuyển tiếp**

1. Các doanh nghiệp đã được cấp giấy phép trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thực hiện như sau:

a) Được tiếp tục thực hiện hoạt động dịch vụ việc làm cho đến khi giấy phép hết hạn;

b) Doanh nghiệp đã được cấp giấy phép thuộc trường hợp gia hạn, cấp lại giấy phép theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị định này thì thực hiện cấp giấy phép mới theo quy định tại Nghị định này;

c) Doanh nghiệp đã được cấp giấy phép thuộc trường hợp bị thu hồi giấy phép thì Sở Lao động – Thương binh và Xã hội nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính thực hiện thu hồi theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

2. Doanh nghiệp đã nộp đủ hồ sơ cấp giấy phép theo đúng quy định tại Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến

điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì được cấp giấy phép.

3. Doanh nghiệp có giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm hết thời hạn kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành thì doanh nghiệp tiếp tục hoạt động dịch vụ việc làm đến ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành.

#### **Điều 24. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.
2. Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm; Điều 10, Điều 12 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

#### **Điều 25. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các doanh nghiệp, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**



**PHỤ LỤC**

*(Kèm theo Nghị định số /2020/NĐ-CP ngày tháng năm 2020 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm
Mẫu số 02	Đơn đề nghị cấp (gia hạn, cấp lại) giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm
Mẫu số 03	Đơn đề nghị thu hồi giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm
Mẫu số 04	Quyết định thu hồi giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm
Mẫu số 05	Văn bản chấp thuận rút tiền ký quỹ
Mẫu số 06	Báo cáo tình hình hoạt động của doanh nghiệp/chi nhánh hoạt động dịch vụ việc làm
Mẫu số 07	Báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm

CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ  
THẨM QUYỀN<sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

**GIẤY PHÉP  
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VIỆC LÀM**

Mã số giấy phép:...<sup>(2)</sup>../20..<sup>(3)</sup>...

Cấp lần đầu: ngày... tháng... năm..<sup>(4)</sup>

Thay đổi lần thứ:....., ngày.... tháng... năm...  
(.....<sup>(5)</sup>.....)

**1. Tên doanh nghiệp**

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt:..<sup>(6)</sup>.....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):..<sup>(7)</sup>.....

**2. Mã số doanh nghiệp:** ...<sup>(8)</sup>.....

**3. Địa chỉ trụ sở chính**.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....Website.....

**4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện hoạt động dịch vụ việc làm**

Họ và tên:.....<sup>(9)</sup>.....Giới tính.....Sinh ngày:.....

Chức danh:.....

Số giấy Chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

**5. Thời hạn hiệu lực của giấy phép**

Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và có thời hạn là.... tháng./.

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA**

**NGƯỜI KÝ**

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

**Nơi nhận:**

- ...

- Bộ LĐTBXH.

**Ghi chú:**

(1) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

(2) Số thứ tự giấy phép.

(3) Năm ban hành.

(4) Ngày, tháng, năm của giấy phép được cấp lần đầu, trường hợp giấy phép đã được cấp theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ thì viết ngày tháng năm của giấy phép đã được cấp.

(5) Ghi: gia hạn hoặc cấp lại theo một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này.

Ví dụ: (gia hạn giấy phép) hoặc (cấp lại giấy phép do thay đổi địa chỉ trụ sở chính).

- Trường hợp gia hạn thì (6) ghi: (gia hạn giấy phép);



- Trường hợp cấp lại do thay đổi

(6) Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

(7) Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

(8) Mã số doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

(9) Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện hoạt động dịch vụ việc làm.

**TÊN DOANH NGHIỆP** <sup>(1a)</sup>**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****...<sup>(2a)</sup>... giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm**Kính gửi: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.....<sup>(3)</sup> .....1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt:.....<sup>(1b)</sup> .....2. Mã số doanh nghiệp:.....<sup>(4)</sup> .....

3. Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại: .....; Fax: .....; E-mail:.....; Website.....

4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện hoạt động dịch vụ việc làm

Họ và tên:.....Giới tính.....Sinh ngày:.....

Chức danh:.....<sup>(5)</sup> .....

Số giấy chứng thực cá nhân:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

5. Mã số giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm..<sup>(6)</sup>..ngày cấp..<sup>(7)</sup>.....Đề nghị.....<sup>(2b)</sup>.....giấy phép hoạt động dịch vụ việc làmđối với Công ty.....<sup>(1c)</sup>..........<sup>(8)</sup> .....

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật về hoạt động dịch vụ việc làm.

Hồ sơ kèm theo gồm:

.....

**ĐẠI DIỆN CỦA DOANH NGHIỆP** <sup>(9)</sup>*(Chữ ký, dấu)***Nơi nhận:**

- ...

- ...

**Họ và tên****Ghi chú:**

(1a), (1b) và (1c) Tên doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép.

(2a) và (2b) Ghi: cấp hoặc gia hạn hoặc cấp lại theo đề nghị của doanh nghiệp.

(3) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

(4) Mã số doanh nghiệp theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

(5) Chức danh người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện hoạt động dịch vụ việc làm.

- (6) Mã số giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm đã được cấp (nếu có); đối với doanh nghiệp đã được cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ thì ghi cụ thể cả phần số và chữ của giấy phép.
- (7) Ngày cấp của giấy phép đã được cấp (nếu có).
- (8) Ghi lý do quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này nếu thuộc trường hợp cấp lại giấy phép.
- (9) Chức danh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

TÊN DOANH NGHIỆP <sup>(1a)</sup>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Thu hồi giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm**Kính gửi: ..... <sup>(2a)</sup> .....1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt:..... <sup>(1b)</sup> .....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại: .....; Fax: .....; E-mail:.....; Website.....

3. Mã số doanh nghiệp: ..... <sup>(3)</sup> .....

4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện hoạt động dịch vụ việc làm

Họ và tên:.....Giới tính: ..... Sinh ngày:.....

Chức danh: .....

5. Mã số giấy phép hoạt động hoạt động dịch vụ việc làm:.....

Ngày cấp: ..... thời hạn:.....

Đề nghị ..... <sup>(2b)</sup> ..... thu hồi giấy phép hoạtđộng dịch vụ việc làm đối với Công ty..... <sup>(1c)</sup> .....

Lý do thu hồi:.....

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Hồ sơ kèm theo gồm:

.....  
.....**ĐẠI DIỆN CỦA DOANH NGHIỆP** <sup>(4b)</sup>*(Chữ ký, dấu)***Họ và tên****Nơi nhận:**

- ...

- ...

**Ghi chú:**

(1a), (1b) và (1c) Tên doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

(2a) và (2b) Sở Lao động – Thương binh và xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

(3) Mã số doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

**CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ  
THẨM QUYỀN <sup>(1)</sup>**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

### **QUYẾT ĐỊNH**

## **VỀ VIỆC THU HỒI GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VIỆC LÀM CHỨC VỤ NGƯỜI ĐẲNG ĐẦU CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN**

*Căn cứ Luật việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số ...../2020/NĐ-CP ngày....tháng.....năm..... của Chính phủ quy định chi tiết quy định chi tiết Điều 39 Luật việc làm về doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm;*

*Xét đề nghị của..(2)... Công ty...(3a)... tại...(4)... về việc đề nghị thu hồi giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm;*

*Xét đề nghị của ....(5)....,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thu hồi giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm mã số giấy phép ..... cấp lần đầu ngày...tháng... năm ....., thay đổi lần thứ ....., ngày....tháng.....năm..... cấp cho Công ty...(3b)...., địa chỉ trụ sở chính tại....., mã số doanh nghiệp.....

Lý do thu hồi:.....

**Điều 2.** Công ty...(3c)... thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Nghị định số...../2020/NĐ-CP ngày..... của Chính phủ.

**Điều 3.** Trách nhiệm tổ chức thực hiện..(6)..

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày...tháng.....năm...../.

*Nơi nhận:*

- .....

- .....

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA**

**NGƯỜI KÝ**

*(Chữ ký, dấu)*

**Họ và tên**

**Ghi chú:**

(1) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

(2) Chức danh người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

(3a), (3b) và (3c) Tên doanh nghiệp đề nghị thu hồi giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm.

(4) Số hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản đề nghị thu hồi giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp.

(5) Cơ quan thực hiện nhiệm vụ chuyên môn về lĩnh vực dịch vụ việc làm theo phân công theo dõi, quản lý hoạt động dịch vụ việc làm thuộc cơ quan có thẩm quyền.

(6) Ghi cụ thể cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định.

**CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ  
THẨM QUYỀN** <sup>(1a)</sup>**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ..... /<sup>(2)</sup>  
V/v thông báo chấp thuận việc  
rút tiền ký quỹ kinh doanh dịch  
vụ việc làm

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi: .....<sup>(3a)</sup>  
.....<sup>(4a)</sup>

Căn cứ Nghị định số...../2020/NĐ-CP ngày...tháng.....năm..... của Chính phủ quy định chi tiết Điều 39 Luật việc làm về doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

Xét đề nghị của ...<sup>(3b)</sup>... đề nghị rút tiền ký quỹ kinh doanh hoạt động dịch vụ việc làm và hồ sơ kèm theo,...<sup>(1b)</sup>... có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận đề nghị rút tiền ký quỹ kinh doanh hoạt động dịch vụ việc làm của...<sup>(3c)</sup>..... địa chỉ doanh nghiệp mã số doanh nghiệp:....., mã số giấy phép (nếu có):.....để thực hiện .....<sup>(5)</sup>.....

2. ...<sup>(3d)</sup>..., Ngân hàng...<sup>(4b)</sup>, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh/thành phố ..... có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định về ký quỹ của doanh nghiệp dịch vụ việc làm./.

**Nơi nhận:**

- .....;  
- .....

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA  
NGƯỜI KÝ**  
(Chữ ký, dấu)  
**Họ và tên**

**Ghi chú:**

(1a) và (1b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

(2) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo công văn.

(3a), (3b), (3c) và (3d) Tên doanh nghiệp đề nghị rút tiền ký quỹ.

(4a) và (4b) Tên ngân hàng nhận ký quỹ.

(5) Ghi lý do rút tiền ký quỹ theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này.

**TÊN DOANH NGHIỆP/  
CHI NHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP/CHI  
NHÁNH HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VIỆC LÀM**

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội .....(1).....

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP/CHI NHÁNH:**

1. Tên doanh nghiệp/Chi nhánh: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Điện thoại: ..... Fax: .....
4. Giấy phép số: .....
5. Mã số đăng ký kinh doanh: ..... Email .....
6. Số chi nhánh hoạt động dịch vụ việc làm: ..... cụ thể (địa điểm chi nhánh).

**II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VIỆC LÀM**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch sáu tháng đầu năm (cả năm)	Thực hiện trong kỳ trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo
<b>1</b>	<b>Hoạt động tư vấn</b>				
1.1	Số lượt người được tư vấn	lượt			
	<i>Trong đó:</i>				
a	Số lượt người được tư vấn về việc làm	“			
b	Số lượt người được tư vấn có trình độ Đại học trở lên	“			
1.2	Số doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh được tư vấn	lượt			
<b>2</b>	<b>Hoạt động giới thiệu việc làm, cung ứng và tuyển lao động</b>				
2.1	Số lượt người đăng ký tìm việc làm	lượt			

	<i>Trong đó:</i>				
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch sáu tháng đầu năm (cả năm)	Thực hiện trong kỳ trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo
a	Số lượt người là nữ giới	“			
b	Số lượt người có trình độ từ Đại học trở lên	“			
2.2	Số lượt người được giới thiệu việc làm	lượt			
	<i>Trong đó:</i>				
a	Số lượt người là nữ giới	“			
b	Số lượt người có trình độ từ Đại học trở lên	“			
2.3	Số lượt người được tuyển dụng do Doanh nghiệp/Chi nhánh giới thiệu	lượt			
	<i>Trong đó:</i>	“			
a	Số lượt người là nữ giới	“			
b	Số lượt người có trình độ từ Đại học trở lên	“			
2.4	Số lao động do người sử dụng lao động đề nghị cung ứng/tuyển lao động	người			
	<i>Trong đó:</i>				
a	Số lao động là nữ giới	“			
b	Số lao động có trình độ từ Đại học trở lên	“			
2.5	Số lao động đã cung ứng/tuyển theo đề nghị của người sử dụng lao động	người			
	<i>Trong đó:</i>	“			
a	Số lao động là nữ giới	“			
b	Số lao động có trình độ từ Đại học trở lên	“			



2.6	Số lao động cung ứng/tuyển được người sử dụng lao động tuyển dụng	người			
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch sáu tháng đầu năm (cả năm)	Thực hiện trong kỳ trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo
	<i>Trong đó:</i>	“			
a	Số lao động là nữ giới	“			
b	Số lao động có trình độ từ Đại học trở lên	“			

**ĐẠI DIỆN CỦA DOANH NGHIỆP<sup>(2)</sup>**  
(Chữ ký, dấu)

**Nơi nhận:**

- ...  
- ...

**Họ và tên**

**Ghi chú:**

(1) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

(2) Chức danh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VIỆC LÀM**

Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

**I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VIỆC LÀM TRÊN ĐỊA BÀN**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số lượng kỳ trước	Biến động trong kỳ		Tổng số hiện tại
				Tăng	Giảm	
1	Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Doanh nghiệp				
2	Chi nhánh của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm của Tỉnh/Thành phố khác hiện có trên địa bàn quản lý	Chi nhánh				

**II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VIỆC LÀM**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch sáu tháng (hoặc cả năm)	Thực hiện trong kỳ trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo
1	Hoạt động tư vấn				
1.1	Số lượt người được tư vấn	lượt			
	Trong đó:	lượt			
a	Số lượt người được tư vấn về việc làm	“			
b	Số lượt người được tư vấn có trình độ từ Đại học trở lên	“			
1.2	Số doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh	lượt			

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch sáu tháng (hoặc cả năm)	Thực hiện trong kỳ trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo
	doanh được tư vấn				
<b>2.</b>	<b>Hoạt động giới thiệu việc làm, cung ứng và tuyển lao động</b>				
2.1	Số lượt người đăng ký tìm việc làm	lượt			
	<i>Trong đó</i>				
a	Số lượt người được tư vấn về việc làm	“			
b	Số lượt người được tư vấn có trình độ từ Đại học trở lên	“			
2.2	Số lượt người được giới thiệu việc làm	lượt			
	<i>Trong đó</i>				
a	Số lượt người được tư vấn về việc làm	“			
b	Số lượt người được tư vấn có trình độ từ Đại học trở lên	“			
2.3	Số lượt người được tuyển dụng do Doanh nghiệp/Chi nhánh giới thiệu	lượt			
	<i>Trong đó</i>	“			
a	Số lượt người được tư vấn về việc làm	“			
b	Số lượt người được tư vấn có trình độ từ Đại học trở lên	“			
2.4	Số lao động do người sử dụng lao động đề nghị cung ứng/tuyển lao động	người			
	<i>Trong đó:</i>	“			
a	Số lao động là nữ giới	“			
b	Số lao động có trình độ từ Đại học trở lên	“			
2.5	Số lao động đã cung ứng/tuyển theo đề nghị của người sử dụng lao động	người			

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch sáu tháng (hoặc cả năm)	Thực hiện trong kỳ trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo
	<i>Trong đó:</i>	“			
a	Số lao động là nữ giới	“			
b	Số lao động có trình độ từ Đại học trở lên	“			
2.6	Số lao động cung ứng/tuyển được người sử dụng lao động tuyển dụng	người			
	<i>Trong đó:</i>	“			
a	Số lao động là nữ giới	“			
b	Số lao động có trình độ từ Đại học trở lên	“			

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác (nếu có).

4. Kiến nghị, đề xuất.

*Nơi nhận:*

- ...  
- ...

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA  
NGƯỜI KÝ  
(Chữ ký, dấu)  
Họ và tên**